

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **409/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/9/2024

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Kỳ Phong;

2. Ông Châu Văn Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên;

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2024/QĐXXST-HN ngày 05/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 160/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp AP, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Phạm Thế T**, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: AP, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thế T qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATT ngày 23/02/2010. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, do anh T không chăm lo cho gia đình, cờ bạc, có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Tiến B, sinh ngày 03/8/2010 và Phạm Ngọc V, sinh ngày 08/7/2016. Hiện nay 2 con chung đang sống với vợ chồng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung 4.000.000đồng /tháng/02 cháu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Phạm Thế T có nộ bản tự khai thống nhất với lời khai chị L, đồng ý ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ/02con. Tuy nhiên, khi Tòa án mời hoà giải, xét xử triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt, không có lý do chính đáng.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị L xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo gia đình, cờ bạc, có phụ nữ khác, hiện chị L không còn tình cảm, anh T có văn bản đồng ý theo nội dung yêu cầu khởi kiện của chị L nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị L.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của chị L, anh T, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phạm Thế T qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã ATT chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn anh Phạm Thế T đã được triệu tập hợp lệ xét xử, nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt hai bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị L xin ly hôn là do phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất

đồng quan điểm, sống không hòa hợp, chị L khai do anh T không chăm lo gia đình, cò bạc, có người phụ nữ khác bên ngoài nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Phía anh T có văn bản thể hiện ý chí đồng ý ly hôn nhưng không đến Toà án theo triệu tập nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Bởi lẽ, anh T được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, xem xét cho chị L ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Tiến B, sinh ngày 03/8/2010 và Phạm Ngọc V, sinh ngày 08/7/2016. Hiện nay 2 con chung đang sống với vợ chồng, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung 4.000.000đồng /tháng/02 cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị L yêu cầu nuôi con chung, anh T có ý kiến đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/02 con, toà án triệu tập anh T không đến và cũng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì sau khi nộp bản tự khai cho Toà án, ý kiến của 02 cháu muốn sống chung với chị L nên cần giữ ổn định cho 02 cháu về nơi ở, về việc tiện cho học tập và các mặt sinh hoạt khác nên giao cho chị L tiếp tục nuôi 02 con chung, ghi nhận sự tự nguyện anh T cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con chung là phù hợp. Chị L nuôi con chung, anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phạm Thế T

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh T;

1.2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Phạm Tiên B, sinh ngày 03/8/2010 và Phạm Ngọc V, sinh ngày 08/7/2016 cho chị L được trực tiếp nuôi, anh T cấp dưỡng cho con chung 4.000.000đồng/tháng/02 cháu. Thực hiện khi án có hiệu lực.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.3. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu;

1.4. *Về nợ chung*: Không có.

2. Về án phí: Chị L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007675 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

Anh T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã ATT;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Mỹ Lil